

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Bê tông Hòa Cẩm - Intimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 4700/QĐ-UB ngày 05/12/2001 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 3303070008 ngày 24/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 15 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần nhất vào ngày 4/7/2017 với mã số doanh nghiệp là 4000362102), Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 65.185.860.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex là 51,48% vốn điều lệ.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HCC. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 24/12/2007.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất bê tông, xây dựng công trình.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: sản xuất bê tông thương phẩm;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá. Chi tiết: chế biến đá xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và lưới điện đến 35KV;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà đất;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: bán buôn rượu, bia, nước giải khát;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị vận tải, thiết bị, phụ tùng máy bơm bê tông, thiết bị điện công nghiệp, gia dụng, công nghệ thông tin, thiết bị văn phòng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

### **1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Chu Lai, tỷ lệ góp vốn 49,09%;

Công ty có 4 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số, gồm:

*Chi nhánh tại Đà Nẵng*

- Địa chỉ: 53 Trường Sơn, Phường Hoà Thọ Tây, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3670000 – 3675155
- Fax: (84) 0236.3672516

*Chi nhánh tại Khu Kinh tế mở Chu Lai*

- Địa chỉ: Xã Tam Nghĩa, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0235.3853522

*Chi nhánh Công ty CP Bê tông Hoà Cẩm - Intimex – Xí nghiệp Xây dựng Đại Giang*

- Địa chỉ: Đường Phan Bội Châu, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0235.3852811

*Nhà máy sản xuất Bê tông Thương phẩm (Nhà máy Bê tông Tam Kỳ)*

- Địa chỉ: Lô B6-5, Khu công nghiệp Thuận Yên, Phường Hòa Thuận, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
- Điện thoại: (84) 0235.2200999

### **2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017 (bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

#### **Dự phòng**

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

### **4.6 Tài sản cố định vô hình**

#### **Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Khấu hao**

Khấu hao của tài sản cố định vô hình này được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm kế toán	5

### **4.7 Thuế TNDN hoãn lại**

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### **4.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Chi phí thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.9 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.11 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức cho cổ đông vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay và dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

### **4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.17 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
  - ✓ Hoạt động bán bê tông thương phẩm và xây lắp: áp dụng mức thuế suất 10%.
  - ✓ Các hoạt động kinh doanh khác: áp dụng mức thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - ✓ Đối với dự án “Nhà máy Bê tông Chu Lai”: Áp dụng thuế suất 10%.
  - ✓ Đối với dự án “Nhà máy Bê tông Tam Kỳ”: Được miễn thuế trong 2 năm đầu tiên, giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế (Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án ngày 18/01/2017)
  - ✓ Đối với hoạt động xây lắp và các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	56.695.786	92.443.793
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.271.679.265	1.692.997.262
<b>Cộng</b>	<b>2.328.375.051</b>	<b>1.785.441.055</b>

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình	11.622.650.000	13.102.337.500
Các đối tượng khác	109.911.853.694	89.962.399.954
<b>Cộng</b>	<b>121.534.503.694</b>	<b>103.064.737.454</b>

## 7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Máy xây dựng Đại Nam	1.992.000.000	-
Nguyễn Hoàng Thọ	20.000.000	20.000.000
Võ Thị Lệ Thủy	-	10.000.000
Các đối tượng khác	167.204.546	1.696.182
<b>Cộng</b>	<b>2.179.204.546</b>	<b>31.696.182</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bảo hiểm xã hội	10.854.650	-		-
Tạm ứng	131.727.906	-	55.948.032	-
Phải thu khác	122.311.996	-	73.153.322	-
<b>Cộng</b>	<b>264.894.552</b>	<b>-</b>	<b>129.101.354</b>	<b>-</b>

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2017	01/01/2017
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	9.956.063.907	9.024.756.078
- Từ 3 năm trở lên	6.926.778.207	6.869.405.128
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	338.110.500	819.266.700
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	2.633.789.250	1.336.084.250
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	57.385.950	-
<b>Cộng</b>	<b>9.956.063.907</b>	<b>9.024.756.078</b>

### Trong đó: Nợ xấu

	30/06/2017			Ghi chú
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty CP Xây Dựng Quảng Nam Đà Nẵng	2.067.817.837	-	>3 năm	DN đang hoạt động, đã khởi kiện
Công ty CP Cát Hải	1.144.048.500	-	>3 năm	DN đang hoạt động, đã khởi kiện
Công ty CP Xây dựng Phú Tiên	147.867.800	-	>3 năm	Không còn ở địa phương, không có khả năng thu hồi
XNXD Số 6 - Công ty XD & PT Hạ Tầng ĐN	259.462.000	-	>3 năm	DN đang hoạt động, đã khởi kiện
Công ty Cơ khí XDCT 623 (Câu Lâu) -QĐ 92	253.133.870	-	>3 năm	DN đang hoạt động, đã khởi kiện
Công ty TNHH Thanh Thu	412.383.500	-	>3 năm	DN đang hoạt động, đã khởi kiện
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Quảng Nam	317.515.000	-	>3 năm	DN đang hoạt động, đã khởi kiện
Các đối tượng khác	8.266.429.700	2.912.594.300		
<b>Cộng</b>	<b>12.868.658.207</b>	<b>2.912.594.300</b>		

(\*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi là giá trị còn lại sau khi lấy giá gốc trừ đi mức dự phòng cần trích theo hướng dẫn của Thông tư số 288/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 10. Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/06/2017	01/01/2017
Chênh lệch đối chiếu công nợ	203.796.872	203.796.872
<b>Cộng</b>	<b><u>203.796.872</u></b>	<b><u>203.796.872</u></b>

### 11. Hàng tồn kho

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.914.892.959	-	4.151.550.931	-
Công cụ, dụng cụ	95.420.094	-	97.553.427	-
Chi phí SX, KD dở dang	601.308.754	-	601.308.754	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.611.621.807</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.850.413.112</u></b>	<b><u>-</u></b>

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại thời điểm 30/06/2017.  
Giá trị HTK bị ứ đọng, kém phẩm chất tại ngày 30/06/2017 là 0 đồng.

### 12. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	10.083.332	66.189.395
Phí quản lý đường bộ	50.071.262	117.343.143
<b>Cộng</b>	<b><u>60.154.594</u></b>	<b><u>183.532.538</u></b>

#### b. Dài hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền thuê đất (*)	4.989.600.000	-
Phí quản lý đường bộ	99.249.749	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	-	4.034.090
Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng, sửa chữa nền đường	-	6.495.253
Chi phí sửa chữa máy biến áp	42.500.000	57.500.000
Chi phí đục phá bê tông, đào chất thải	51.386.366	69.522.728
Các khoản khác	11.536.590	21.038.940
<b>Cộng</b>	<b><u>5.194.272.705</u></b>	<b><u>158.591.011</u></b>

(\*) Theo hợp đồng thuê đất số 161/HĐTĐ ngày 22/06/2017 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Quảng Nam, Công ty thuê 15.000 m2 đất tại Lô B6-5, KCN Thuận Yên, Phường Hòa Thuận, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam. Thời hạn thuê đất là 49 năm 8 tháng (kể từ ngày 15/5/2017 đến ngày 18/01/2067) để xây dựng nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm. Theo đó, Công ty phân bổ tiền thuê đất

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

này vào chi phí trong thời gian 49 năm 8 tháng.

### 13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	14.257.939.326	17.888.095.413	74.092.830.770	280.200.961	106.519.066.470
Mua sắm trong kỳ	-	157.200.000	8.006.327.896	-	8.163.527.896
Đ/tư XD/CB h/thành	842.755.455	-	-	-	842.755.455
T/lý, nhượng bán	-	-	1.371.961.818	-	1.371.961.818
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>15.100.694.781</b>	<b>18.045.295.413</b>	<b>80.727.196.848</b>	<b>280.200.961</b>	<b>114.153.388.003</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	7.792.777.540	13.272.693.381	39.920.512.744	183.421.745	61.169.405.410
Khấu hao trong kỳ	300.195.216	568.068.553	3.277.453.386	18.361.638	4.164.078.793
T/lý, nhượng bán	-	-	1.371.961.818	-	1.371.961.818
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.092.972.756</b>	<b>13.840.761.934</b>	<b>41.826.004.312</b>	<b>201.783.383</b>	<b>63.961.522.385</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	6.465.161.786	4.615.402.032	34.172.318.026	96.779.216	45.349.661.060
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.007.722.025</b>	<b>4.204.533.479</b>	<b>38.901.192.536</b>	<b>78.417.578</b>	<b>50.191.865.618</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 37.159.942.565 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2017 là 33.003.959.880 đồng.

### 14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số đầu kỳ	65.727.273	65.727.273
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>65.727.273</b>	<b>65.727.273</b>
<b>Khấu hao</b>		
Số đầu kỳ	65.727.273	65.727.273
Khấu hao trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>65.727.273</b>	<b>65.727.273</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số đầu kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2017 là 65.727.273 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 16. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến khoản phân bổ chi phí	117.295.415	117.295.415
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>117.295.415</b>	<b>117.295.415</b>

### 17. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Chu Lai	10.527.591.100	12.493.483.500
Công ty TNHH Duy Thịnh	11.042.223.708	10.704.958.807
Công ty TNHH Khởi Phát Lộc	6.021.959.300	3.828.176.800
Công ty TNHH Thịnh Phú Cường	6.406.800.550	8.873.530.350
Các đối tượng khác	16.275.971.768	14.853.157.942
<b>Cộng</b>	<b>50.274.546.426</b>	<b>50.753.307.399</b>

**Trong đó:** Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Chu Lai	Công ty Liên kết	10.527.591.100	12.493.483.500
<b>Cộng</b>		<b>10.527.591.100</b>	<b>12.493.483.500</b>

### 18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty CP Công viên Mỹ Khê	500.000.000	-
Công ty CP Mai Đoàn	18.600.000	18.600.000
Công ty TNHH Đầu tư Xuân Vượng	100.721	54.684.421
Công ty TNHH Nguyễn Hoàng Duy	-	50.000.000
Công ty CP Đầu tư XD Hạ Tầng INCICO	-	70.965.000
Công ty TNHH MTV Trường Thành	40.335.000	40.335.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	-	139.544.000
Các đối tượng khác	196.632.380	18.924.378
<b>Cộng</b>	<b>755.668.101</b>	<b>393.052.799</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Xem trang ngang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2017	01/01/2017
Lãi vay phải trả	43.966.554	27.738.139
<b>Cộng</b>	<b>43.966.554</b>	<b>27.738.139</b>

### 21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	88.350.767	45.222.315
Thù lao HĐQT, BKS	124.000.000	442.000.000
Cổ tức phải trả	2.796.000	2.796.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.907.227	6.106.799
<b>Cộng</b>	<b>220.053.994</b>	<b>496.125.114</b>

### 22. Vay và nợ thuê tài chính

#### a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Đà Nẵng	2.366.906.500	96.756.404.277	85.623.619.277	13.499.691.500
- Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng	-	59.261.878.899	52.820.691.845	6.441.187.054
Vay dài hạn đến hạn trả				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Đà Nẵng	4.604.250.000	2.384.250.000	2.266.000.000	4.722.500.000
- Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng	990.000.000	800.000.000	495.000.000	1.295.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đà Nẵng	-	900.000.000	-	900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.961.156.500</b>	<b>160.102.533.176</b>	<b>141.205.311.122</b>	<b>26.858.378.554</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Đà Nẵng (i)	9.667.500.000	-	2.266.000.000	7.401.500.000
- Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng (ii)	2.722.500.000	1.600.000.000	495.000.000	3.827.500.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đà Nẵng (iii)	-	3.600.000.000	-	3.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.390.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>2.761.000.000</b>	<b>14.829.000.000</b>
<b>Trong đó</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	5.594.250.000			6.917.500.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Đà Nẵng	4.604.250.000			4.722.500.000
- Ngân hàng Ngoại thương VN - CN Đà Nẵng	990.000.000			1.295.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đà Nẵng	-			900.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>6.795.750.000</b>			<b>7.911.500.000</b>

(i) Vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển – CN Đà Nẵng theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 01/2014/257200/HĐTD ngày 28/08/2014, số tiền vay: 5.000.000.000 đồng, mục đích vay mua xe bơm bê tông hiệu Hyundai HD320. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm vay là 10,5% và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay số 01/2015/257200/HĐTD ngày 05/05/2015, số tiền vay: 4.252.500.000 đồng, mục đích vay mua xe bơm bê tông. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm vay là 10,5% và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay số 02/2015/257200/HĐTD ngày 03/12/2015, số tiền vay: 3.300.000.000 đồng, mục đích vay mua xe bơm bê tông. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất vay 8,0%/năm cố định trong 06 tháng đầu kể từ thời điểm giải ngân lần đầu, lãi suất vay 8,5%/năm cố định trong 06 tháng tiếp theo và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay số 01/2016/257200/HĐTD ngày 18/05/2016, số tiền vay: 3.000.000.000 đồng, mục đích vay mua 04 xe trộn bê tông HINO 10m3. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm vay là 9,5% và được điều chỉnh 6 tháng 1 lần, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN Đà Nẵng theo các Hợp đồng sau:

- Hợp đồng vay số 101/2016/VCB-KHDN ngày 26/07/2016, số tiền vay: 2.970.000.000 đồng, mục đích vay mua 04 xe trộn bê tông HINO. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm vay là 7,5% cố định trong thời hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng vay số 124/2017/VCB-KHDN ngày 04/04/2017, số tiền vay: 1.600.000.000 đồng, mục đích vay mua 01 máy Bơm bê tông tự hành Zoomlion Model ZLJ5130THBE. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất áp dụng tại thời điểm vay là 7,9% cố định trong thời hạn 1 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Đà Nẵng theo Hợp đồng vay số 130/2017/HĐTD/BDN/01 ngày 24/05/2017, số tiền vay: 3.600.000.000 đồng, mục đích vay mua 01 xe bơm cần XCMG hiệu Isuzu. Thời hạn vay 48 tháng, lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
<b>Số dư tại 01/01/2016</b>	<b>36.705.220.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>6.018.212.266</b>	<b>16.037.200.735</b>
Tăng trong năm	7.340.260.000	-	455.268.735	22.690.000.331
Giảm trong năm	-	-	-	16.036.494.735
<b>Số dư tại 31/12/2016</b>	<b>44.045.480.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>6.473.481.001</b>	<b>22.690.706.331</b>
<b>Số dư tại 01/01/2017</b>	<b>44.045.480.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>6.473.481.001</b>	<b>22.690.706.331</b>
Tăng trong kỳ	21.140.380.000	-	-	15.808.680.086
Giảm trong kỳ	-	-	-	22.689.448.331
<b>Số dư tại 30/06/2017</b>	<b>65.185.860.000</b>	<b>(390.000)</b>	<b>6.473.481.001</b>	<b>15.809.938.086</b>

#### b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex	33.559.740.000	22.675.540.000
Vốn góp của các cổ đông khác	31.625.730.000	21.369.550.000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	390.000	390.000
<b>Cộng</b>	<b>65.185.860.000</b>	<b>44.045.480.000</b>

#### c. Cổ phiếu

	30/06/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.518.586	4.404.548
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.518.586	4.404.548
- Cổ phiếu phổ thông	6.518.586	4.404.548
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	39	39
- Cổ phiếu phổ thông	39	39
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.518.547	4.404.509
- Cổ phiếu phổ thông	6.518.547	4.404.509
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	22.690.706.331	16.037.200.735
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	15.808.680.086	22.690.000.331
Phân phối lợi nhuận	22.689.448.331	16.036.494.735
Phân phối lợi nhuận năm trước	22.689.448.331	16.036.494.735
- Chia cổ tức	21.140.380.000	14.681.226.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	1.549.068.331	900.000.000
- Quỹ dự đầu tư phát triển	-	455.268.735
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>15.809.938.086</b>	<b>22.690.706.331</b>

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 18/NQ-ĐHĐCĐ-HCC ngày 15/04/2017.

### e. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2017 số 18/NQ-ĐHĐCĐ-HCC ngày 15/04/2017 đã thông qua phương án trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2016 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 48% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức vào ngày 22/06/2017 và ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu vào ngày chốt quyền.

### 24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Doanh thu bán bê tông	185.677.636.918	164.253.442.677
<b>Cộng</b>	<b>185.677.636.918</b>	<b>164.253.442.677</b>

### 25. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn bán bê tông	162.051.318.003	143.519.015.990
<b>Cộng</b>	<b>162.051.318.003</b>	<b>143.519.015.990</b>

### 26. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.177.656	10.565.715
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.184.702.400	-
<b>Cộng</b>	<b>1.188.880.056</b>	<b>10.565.715</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 27. Chi phí tài chính

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lãi tiền vay	1.271.427.692	1.324.996.025
<b>Cộng</b>	<b>1.271.427.692</b>	<b>1.324.996.025</b>

### 28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	130.918.225	172.952.985
Chi phí nhân viên quản lý	2.135.520.296	1.955.278.696
Chi phí khấu hao tài sản cố định	186.514.824	190.842.788
Chi phí dịch vụ mua ngoài	103.065.069	79.874.220
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	931.307.829	807.899.050
Các khoản khác	1.001.791.207	752.379.707
<b>Cộng</b>	<b>4.489.117.450</b>	<b>3.959.227.446</b>

### 29. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000.000</b>	<b>-</b>

### 30. Chi phí khác

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Thù lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành trực tiếp	147.000.000	147.000.000
Chi phí khác	121.213.859	76.064.434
<b>Cộng</b>	<b>268.213.859</b>	<b>223.064.434</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.286.439.970</b>	<b>15.237.704.497</b>
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(866.626.723)	265.474.434
Điều chỉnh tăng	318.075.677	265.474.434
+ Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	147.000.000	147.000.000
+ Phạt vi phạm hành chính (giao thông, thuế)	121.213.859	76.064.434
+ Các khoản chi phí có chứng từ không hợp lý hợp lệ	49.861.818	42.410.000
Điều chỉnh giảm	1.184.702.400	-
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.184.702.400	-
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.419.813.247</b>	<b>15.503.178.931</b>
+ Nhà máy Bê tông Chu Lai	2.062.027.650	2.692.100.917
+ Hoạt động sản xuất Bê tông, xây lắp và hoạt động khác	16.357.785.597	12.811.078.014
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.477.759.884</b>	<b>2.831.425.695</b>
+ Nhà máy Bê tông Chu Lai (10%)	206.202.765	269.210.092
+ Hoạt động sản xuất Bê tông, xây lắp và hoạt động khác	3.271.557.119	2.562.215.603
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.477.759.884</b>	<b>2.831.425.695</b>

### 32. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.808.680.086	12.399.880.871
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(846.551.894)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	846.551.894
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.808.680.086	11.553.328.977
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	6.518.547	6.518.547
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.425</b>	<b>1.772</b>

(\*) Chi tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2017 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do Điều lệ và Đại hội đồng Cổ đông không quy định trích lập các quỹ này. Theo đó, chi tiêu này có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định sau này của Đại hội đồng Cổ đông.

### Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang (không gồm cổ phiếu quỹ)	4.404.509	3.670.483
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức ngày 22/06/2017	2.114.038	2.848.064
<b>Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>6.518.547</b>	<b>6.518.547</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” 6 tháng đầu năm 2016 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu “Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ” do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được ghi nhận tăng vốn trong năm 2016 và trong 6 tháng đầu năm 2017.

	Số báo cáo 6 tháng đầu năm 2016	Điều chỉnh 6 tháng đầu năm 2016	Sau điều chỉnh 6 tháng đầu năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.399.880.871	-	12.399.880.871
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(846.551.894)	(846.551.894)
- Điều chỉnh tăng	-	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)*	-	846.551.894	846.551.894
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.399.880.871	-	11.553.328.977
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.670.483	2.848.064	6.518.547
<b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>3.378</b>		<b>1.772</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi điều chỉnh giảm (846.551.894 đồng) khi tính lại chỉ tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” 6 tháng đầu năm 2016 được xác định căn cứ vào tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2016 so với lợi nhuận sau thuế cả năm 2016 và Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 (1.549.068.331 đồng) theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017.

### 33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	140.070.102.076	124.467.317.792
Chi phí nhân công	12.633.965.814	10.576.761.781
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.164.078.793	3.542.323.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.168.036	1.505.697.324
Chi phí khác bằng tiền	6.882.812.905	6.578.244.370
<b>Cộng</b>	<b>165.609.127.624</b>	<b>146.670.344.386</b>

### 34. Báo cáo bộ phận

#### a. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>185.677.636.918</b>	<b>164.253.442.677</b>
+ Doanh thu Bê tông tại Nhà máy Bê tông Chu Lai	40.539.690.228	34.424.264.463
+ Doanh thu Bê tông tại Chi nhánh Đà Nẵng	45.997.162.442	29.272.617.005
+ Doanh thu Bê tông tại Văn phòng Công ty	95.237.915.420	100.556.561.209
+ Doanh thu Bê tông tại Nhà máy Bê tông Tam Kỳ	3.902.868.828	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>185.677.636.918</b>	<b>164.253.442.677</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Giá vốn

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
Giá vốn Bê tông tại Nhà máy Bê tông Chu Lai	37.230.827.814	30.670.183.158
Giá vốn Bê tông tại Chi nhánh Đà Nẵng	38.147.711.151	24.597.892.071
Giá vốn Bê tông tại Văn phòng Công ty	82.871.403.573	88.250.940.761
Giá vốn Bê tông tại Nhà máy Bê tông Tam Kỳ	3.801.375.465	-
<b>Cộng</b>	<b>162.051.318.003</b>	<b>143.519.015.990</b>

### 35. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Do không có giao dịch và số dư ngoại tệ, hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá thành sản phẩm nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về giá trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### **Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro về khả năng thu hồi một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng hạn mức bán hàng với những khách hàng bán tín chấp lâu năm. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp và trích lập dự phòng.

### Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	26.858.378.554	7.911.500.000	34.769.878.554
Phải trả người bán	50.274.546.426	-	50.274.546.426
Chi phí phải trả	43.966.554	-	43.966.554
Phải trả khác	131.697.027	-	131.697.027
<b>Cộng</b>	<b>77.308.588.561</b>	<b>7.911.500.000</b>	<b>85.220.088.561</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Các khoản vay và nợ	7.961.156.500	6.795.750.000	14.756.906.500
Phải trả người bán	50.753.307.399	-	50.753.307.399
Chi phí phải trả	27.738.139	-	27.738.139
Phải trả khác	450.902.799	-	450.902.799
<b>Cộng</b>	<b>59.193.104.837</b>	<b>6.795.750.000</b>	<b>65.988.854.837</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<b>30/06/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.328.375.051	-	2.328.375.051
Phải thu khách hàng	111.578.439.787	-	111.578.439.787
Phải thu khác	122.311.996	-	122.311.996
<b>Cộng</b>	<b>114.029.126.834</b>	<b>-</b>	<b>114.029.126.834</b>
<b>01/01/2017</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.785.441.055	-	1.785.441.055
Phải thu khách hàng	94.039.981.376	-	94.039.981.376
Phải thu khác	73.153.322	-	73.153.322
<b>Cộng</b>	<b>95.898.575.753</b>	<b>-</b>	<b>95.898.575.753</b>

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **a. Các bên liên quan**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Chu Lai	Công ty liên kết

### **b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ kế toán**

	<b>Giao dịch</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>
Công ty Cổ phần Chu Lai	Mua đá	29.812.293.500	15.204.359.500

### **c. Thù lao Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc**

	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>
Thù lao Hội đồng quản trị	132.000.000	132.000.000
Lương thưởng Ban Tổng Giám đốc	512.077.685	430.062.519

### **37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **38. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2016. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.

<b>Tổng Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập biểu</b>
<b>Ngô Văn Long</b>	<b>Nguyễn Thị Ngọc Anh</b>	<b>Nguyễn Thị Ngọc Anh</b>

Quảng Nam, ngày 20 tháng 07 năm 2017